

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 - 2024

V/V: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Bá Long.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Nguyễn Bảo Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 279/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vi Văn N - Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: Số 762, đường L, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị H - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Anh N xin xét xử vắng mặt; chị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Vi Văn N trình bày:*

Anh và chị Ngô Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An ngày 18/02/2019, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, chị H không quan tâm đến chồng con, không tìm được tiếng nói chung, cũng từ tháng 6/2021 đến nay vợ

chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Vi Tiến D, sinh ngày 28/8/2018, hiện đang ở với chị H. Ly hôn nguyện vọng của anh là giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với chị Ngô Thị H: Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã nhiều lần triệu tập hợp lệ chị H đến làm việc, nhưng chị không đến làm việc. Nên không có ý kiến quan điểm của chị H về việc giải quyết vụ án.

* Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã làm việc với bà Bùi Thị T (là mẹ đẻ chị H), bà T cho biết: Vợ chồng chị H và anh N sống tại Thôn T, xã Đ, huyện T cùng gia đình bà. Quá trình chung sống chị H, anh N thỉnh thoảng vẫn xảy ra cãi nhau, bà không biết về lý do cãi nhau, năm 2021 cháu N đi vào tỉnh Bình Dương làm ăn, vợ chồng có 01 con chung là Vi Tiến D, sinh ngày 28/8/2018 hiện đang ở với chị H và gia đình bà, cháu khỏe mạnh bình thường, bà T đã nhận được các văn bản thông báo của Tòa án và đã giao lại cho chị H nhưng quan điểm của chị H là không đến Tòa án để làm việc, theo bà T cho biết chị H cũng có nguyện vọng ly hôn và xin được nuôi cháu D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

* Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn đã tiến hành xác minh tại xã Đ, huyện T nơi anh chị sinh sống, theo thông tin cung cấp thì được biết: Chị H và anh N là vợ chồng có đăng ký kết hôn, sinh sống hạnh phúc tại xã Đ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N hiện chuyển vào làm ăn tại tỉnh Bình Dương, chị H đang ở cùng nhà mẹ đẻ tại địa phương, vợ chồng đã sống ly thân. Vợ chồng có 01 con chung là Vi Tiến D, sinh ngày 28/8/2018 hiện nay cháu D đang ở cùng mẹ và bà ngoại cháu khỏe mạnh phát triển tốt và không bị bạo lực gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

- Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn giải quyết cho anh Vi Văn N được ly hôn chị Ngô Thị H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của

vợ chồng là cháu Vi Tiến D, sinh ngày 28/8/2018. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản: Anh N không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Anh N yêu cầu giải quyết: Ly hôn và nuôi con. Chị Hà có địa chỉ tại xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Vi Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Ngô Thị H không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất vào ngày 31/01/2024. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt chị H và anh N.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Vi Văn N và chị Ngô Thị H kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Theo anh N vợ chồng sau khi kết hôn đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, chị H không quan tâm đến chồng con, không tìm được tiếng nói chung, cũng từ tháng 6/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Đối với chị H, chị đã được Toà án triệu tập hợp lệ, nhưng chị không đến Toà làm việc. Đây thể hiện chị không còn tình cảm với anh N và bỏ mặc việc giải quyết vụ án. Theo bà T là mẹ đẻ chị H cho biết: Chị Hà biết anh N xin ly hôn nhưng không đến Tòa án làm việc, ý kiến của chị H là hiện nay tình cảm vợ chồng cũng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã làm việc với địa phương nơi vợ chồng sinh sống thì hiện nay anh N đã bỏ vào tỉnh Bình Dương để làm ăn.

Xét thấy, anh N thực sự không còn tình cảm với chị H, trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị H cũng không đến làm việc, bỏ mặc việc giải quyết vụ án chứng tỏ chị không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Đến nay anh N vẫn tha thiết

xin ly hôn, với lý do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh N đã thực sự không còn tình cảm với chị H, chị H không quan tâm bỏ mặc việc giải quyết vụ án và không thiết tha níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị quay về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Theo anh N vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vi Tiến D, sinh ngày 28/8/2018. Ly hôn anh N đề nghị giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N đã xuất trình giấy khai sinh của cháu D có ghi tên mẹ là Ngô Thị H và bố là Vi Văn N. Như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu D là con chung của chị H và anh N.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu D đang ở với chị H, chị chăm sóc tốt. Theo bà T, chị H cũng mong muốn được nuôi con. Vì vậy, để cuộc sống của cháu D không bị xáo trộn, không bị ảnh hưởng đến tâm, sinh lý; Nhằm đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt cho cháu và đây cũng là nguyện vọng của anh N. Nên cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GD giao cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N giao con cho chị H nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo bà T chị H đi làm có thu nhập, gia đình chăm sóc cháu tốt, chị H cũng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, như vậy chị H đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con. Nên Hội đồng xét xử không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[2.3] Về tài sản: Anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Vi Văn N là nguyên đơn trong vụ án nên buộc anh N phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn N.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Vi Văn N và chị Ngô Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 01 con chung là:

Vi Tiến D - Sinh ngày 28 tháng 8 năm 2018.

2.2. Giao con chung là Vi Tiến D cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Vi Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ngô Thị H.

2.4. Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vi Văn N phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0002702 ngày 20/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh N đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hà và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã N (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn